

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 29
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thanh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thanh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Ông Nguyễn Quang Khương	Giám đốc Kinh doanh
Bà Lê Thị Thiệt	Giám đốc Nhà máy
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Nhân sự

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Số: 807/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình được lập ngày 06 tháng 08 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thanh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.678.672.947	118.061.252.414
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.854.917.617	28.481.318.690
111	1. Tiền		9.854.917.617	20.481.318.690
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	8.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16.933.160.000	17.058.160.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		16.933.160.000	17.058.160.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.282.004.968	26.612.801.010
131	1. Phải thu của khách hàng		14.624.842.847	22.096.741.760
132	2. Trả trước cho người bán		690.099.000	3.692.910.325
135	5. Các khoản phải thu khác	5	5.398.138.450	1.823.520.721
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(431.075.329)	(1.000.371.796)
140	IV. Hàng tồn kho	6	55.336.884.152	44.917.406.161
141	1. Hàng tồn kho		55.336.884.152	44.917.406.161
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.271.706.210	991.566.553
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.161.199.170	278.829.065
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		98.171.721	333.531.489
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		12.335.319	379.205.999
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		151.228.819.501	146.544.577.365
220	II. Tài sản cố định		87.332.957.548	84.709.092.714
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	75.649.809.722	77.471.993.373
222	- Nguyên giá		127.462.131.164	127.500.851.428
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(51.812.321.442)	(50.028.858.055)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	4.529.132.237	4.598.175.341
228	- Nguyên giá		6.588.894.293	6.463.444.293
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.059.762.056)	(1.865.268.952)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.154.015.589	2.638.924.000
240	III. Bất động sản đầu tư	10	36.404.536.593	37.238.354.772
241	- Nguyên giá		40.963.223.690	40.206.111.155
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.558.687.097)	(2.967.756.383)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	25.522.329.200	22.522.329.200
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.700.000.000	17.700.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.700.000.000	4.700.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.968.996.160	2.074.800.679
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.968.996.160	2.074.800.679
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		254.907.492.448	264.605.829.779

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		52.614.104.728	63.963.383.467
310	I. Nợ ngắn hạn		51.779.730.576	60.247.376.328
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	36.735.527.604	38.003.294.861
312	2. Phải trả người bán		7.647.359.290	11.585.861.702
313	3. Người mua trả tiền trước		19.728.400	435.350.111
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.505.349.428	430.882.277
315	5. Phải trả người lao động		589.553.213	1.343.141.687
316	6. Chi phí phải trả	15	579.955.723	496.667.308
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	4.141.322.356	7.498.210.339
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		560.934.562	453.968.043
330	II. Nợ dài hạn		834.374.152	3.716.007.139
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	393.639.797
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		25.387.440	20.496.400
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		808.986.712	3.301.870.942
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		202.293.387.720	200.642.446.312
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	202.293.387.720	200.642.446.312
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.130.000	53.562.130.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.662.837.668	1.492.141.699
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(7.940.239.597)	(7.940.239.597)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1.170.673.115)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		946.427.658	489.130.439
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.926.387.535	2.469.090.316
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.310.680.013	5.915.702.127
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		254.907.492.448	264.605.829.779

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	497.812.616
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		2.504,89	156.198,15
- EURO		522,96	528,42

Lập, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thi An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
 Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
 đến ngày 30/06/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	63.805.140.226	69.775.718.733
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	217.084.188	181.372.302
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	63.588.056.038	69.594.346.431
11	4. Giá vốn hàng bán	21	55.320.217.616	64.037.883.796
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.267.838.422	5.556.462.635
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.853.947.253	2.331.540.503
22	7. Chi phí tài chính	23	4.268.465.915	2.321.602.707
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.281.258.050	855.102.038
24	8. Chi phí bán hàng		632.151.558	551.251.099
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.979.884.949	1.711.688.871
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		4.241.283.253	3.303.460.461
31	11. Thu nhập khác		3.445.186.435	4.877.237.210
32	12. Chi phí khác		2.523.315.000	4.520.690.065
40	13. Lợi nhuận khác		921.871.435	356.547.145
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.163.154.688	3.660.007.606
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.039.150.373	471.243.719
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(393.639.797)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.517.644.112	3.188.763.887

Lập, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thi An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.163.154.688	3.660.007.606
02	Khấu hao tài sản cố định		6.891.760.309	7.246.276.635
03	Các khoản dự phòng		321.324.355	(59.927.047)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		463.009.034	204.571.701
06	Chi phí lãi vay		1.281.258.050	855.102.038
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.120.506.436	11.906.030.933
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		7.169.246.209	2.207.495.118
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.419.477.991)	(443.773.174)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.838.879.617)	(1.476.841.947)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(776.565.586)	564.650.580
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.281.258.050)	(891.868.371)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(467.390.288)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		775.510.141	1.154.562.787
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(879.906.336)	(1.043.995.137)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh		(2.130.824.794)	11.508.870.501
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10.610.374.600)	(9.460.510.985)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		597.319.297	2.905.270.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(50.000.000)	(7.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		175.000.000	2.600.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.000.000.000)	(4.960.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	18.410.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.462.986.669	839.856.974
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.425.068.634)	(15.556.974.011)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		38.741.892.935	32.665.899.845
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(40.230.192.980)	(27.097.790.735)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.582.207.600)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.070.507.645)	5.568.109.110

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(18.626.401.073)	1.520.005.600
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		28.481.318.690	14.180.258.696
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.854.917.617</u>	<u>15.700.264.296</u>

Lập, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 53.562.130.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương 5.356.213 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xốp
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất phim
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh đồ chơi
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh băng đĩa nhạc
- Trung tâm thương mại - Alta Plaza	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh và cho thuê mặt bằng
- Rạp Alta 4D-Max Suối Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0301420079, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 1998 (số ĐKKD: 064111) và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đòi hỏi khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;

- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ./.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	48 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất và tài sản vô hình khác. Trong đó, quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2010, Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 25%. Riêng dự án rạp chiếu phim Alta 4D Max Suối Tiên Công ty được giảm 50% thuế TNDN với mức thuế suất áp dụng là 10%. Dự án nâng cao năng suất xưởng Bao bì nhựa được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông Tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	7.053.477.345	9.776.769.280
Tiền gửi ngân hàng	2.801.440.272	10.704.549.410
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
	9.854.917.617	28.481.318.690

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	16.933.160.000	17.058.160.000
	16.933.160.000	17.058.160.000

(*) Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản cho tổ chức và cá nhân vay tiền, trong đó:

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Bảo Thư	2.500.000.000	2.500.000.000
Phạm Ngọc Thư	1.750.000.000	1.750.000.000
Phạm Đức Minh	3.280.000.000	3.280.000.000
Lê Thị Hồng Châu	4.120.000.000	4.120.000.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Kinh Thương	2.358.160.000	2.358.160.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Bách Hợp	2.500.000.000	2.500.000.000
Đào Thu Thủy	75.000.000	150.000.000
Nguyễn Đức Huy	50.000.000	-
	16.933.160.000	17.058.160.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	188.000.000	376.000.000
Phải thu về cho mượn vốn	300.000.000	700.000.000
Phải thu về lãi cho vay của các đối tượng	512.993.000	379.359.100
Phải thu về thuế GTGT được hoàn	4.280.536.075	29.442.117
Phải thu khác	116.609.375	338.719.504
	5.398.138.450	1.823.520.721

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.415.514.475	26.656.406.156
Công cụ, dụng cụ	1.096.809.297	859.745.843
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.288.904.246	1.109.995.618
Thành phẩm	16.511.097.695	15.003.840.569
Hàng hoá	1.024.558.439	1.287.417.975
	55.336.884.152	44.917.406.161

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	225.559.200	6.463.444.293
Số tăng trong kỳ	-	125.450.000	125.450.000
- Mua sắm mới	-	125.450.000	125.450.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.237.885.093	351.009.200	6.588.894.293
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.731.534.317	133.734.635	1.865.268.952
Số tăng trong kỳ	176.073.986	18.419.118	194.493.104
- Trích khấu hao	176.073.986	18.419.118	194.493.104
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.907.608.303	152.153.753	2.059.762.056
Giá trị còn lại			
Đầu năm	4.506.350.776	91.824.565	4.598.175.341
Cuối kỳ	4.330.276.790	198.855.447	4.529.132.237

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 77.450.000 đồng.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.070.567.589	2.179.330.000
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	330.260.000	817.409.660
- Dự án Cao ốc Văn phòng	6.740.307.589	1.156.943.952
- Dự án Xưởng Đan - Việt	-	204.976.388
Mua sắm tài sản cố định	-	234.180.000
- Chuyển giao thương quyền (thương hiệu Quaker)	-	234.180.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	83.448.000	225.414.000
- Nâng cấp TSCĐ (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	83.448.000	225.414.000
	7.154.015.589	2.638.924.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

10 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	40.206.111.155
Số tăng trong kỳ	757.112.535
- Mua sắm mới	66.046.875
- Đầu tư XDCB hoàn thành	691.065.660
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	40.963.223.690
Giá trị đã hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.967.756.383
Số tăng trong kỳ	1.590.930.714
- Trích khấu hao	1.590.930.714
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	4.558.687.097
Giá trị còn lại	
Đầu năm	37.238.354.772
Cuối kỳ	36.404.536.593

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	20.700.000.000	17.700.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	5.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Alta - Tân Đức	10.600.000.000	10.600.000.000
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (Sunet)	5.100.000.000	5.100.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.700.000.000	4.700.000.000
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	4.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
	25.522.329.200	22.522.329.200

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2010 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Alta - Tân Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, dịch vụ
Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (Sunet)	Tỉnh Long An	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2010 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo
Công ty Cổ phần Y Khoa Song An (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(*) Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
	122.329.200	122.329.200

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Năm 2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.074.800.679	2.502.232.899
Số tăng trong kỳ	360.798.181	1.278.349.259
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(466.602.700)	(1.705.781.479)
Số dư cuối kỳ	1.968.996.160	2.074.800.679
Trong đó số dư cuối kỳ bao gồm:	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	86.163.137	44.980.888
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (*)	978.228.781	1.034.059.104
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	575.104.740	818.028.348
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Ly giấy	-	41.147.568
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Thẻ Đan - Việt	314.688.896	120.055.260
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	14.810.606	16.529.511
	1.968.996.160	2.074.800.679

(*) Chi tiết giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ bao gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 30/06/2010 là 902.590.246 VND;
- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 75.638.535 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	36.735.527.604	38.003.294.861
- Vay ngân hàng	36.735.527.604	38.003.294.861
	36.735.527.604	38.003.294.861

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	36.735.527.604	38.003.294.861
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (1)	17.162.586.674	26.299.142.632
Vay Ngân hàng TM Á Châu - SGD (2)	19.572.940.930	11.704.152.229
Cộng	36.735.527.604	38.003.294.861

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0188/TaB1/09LD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định:
- + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Đến hết ngày 12/8/2010; thời hạn vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 6 tháng, tổng thời hạn cho vay bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay ngắn hạn sản xuất (từ 6 đến 12 tháng) theo thông báo của Ngân hàng; lãi vay được tính và trả vào ngày 26 hàng tháng.
- (2) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 80083759 ngày 02/06/2010 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định:
- + Hạn mức tín dụng: 22 tỷ đồng và 500.000 USD;
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh;
 - + Thời hạn hiệu lực của Hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ, tối đa không quá 9 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định trong từng khế ước; Lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế của bên được cấp tín dụng, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay (nếu bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn).

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	5.959.770
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.435.528.724	396.378.351
Thuế Thu nhập cá nhân	69.820.704	28.544.156
	1.505.349.428	430.882.277

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí Tiền thuê mặt bằng	249.092.647	194.335.349
Trích trước chi phí Điện sản xuất tháng 06/2010	153.492.954	121.978.136
Trích trước lãi vay	166.724.667	166.724.667
Trích trước chi phí phải trả khác	10.645.455	13.629.156
	579.955.723	496.667.308

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	24.040	-
Bảo hiểm xã hội	35.698.938	80.156.440
Bảo hiểm y tế	11.168.172	-
Phải trả ngân sách	2.542.035.675	5.867.788.813
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	1.133.728.329	1.491.315.664
Công ty Formula A/S nộp tiền góp vốn Đan Việt	365.406.999	-
Phải trả, phải nộp khác	53.260.203	58.949.422
	4.141.322.356	7.498.210.339

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	Tỷ lệ	01/01/2010	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
Vốn góp của các đối tượng khác	47.042.300.000	87,83%	47.042.300.000	87,83%
	53.562.130.000	100%	53.562.130.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.130.000	49.339.050.000
- Vốn góp đầu kỳ	53.562.130.000	49.339.050.000
- Vốn góp cuối kỳ	53.562.130.000	49.339.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.582.207.600	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.582.207.600	-

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.213	4.933.905
- Cổ phiếu phổ thông	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu được mua lại	241.815	241.595
- Cổ phiếu phổ thông	241.815	241.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.114.398	4.692.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.114.398	4.692.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	946.427.658	489.130.439
Quỹ dự phòng tài chính	2.926.387.535	2.469.090.316
	3.872.815.193	2.958.220.755

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	52.762.928.779	58.868.013.141
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.042.211.447	10.907.705.592
	63.805.140.226	69.775.718.733

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	217.084.188	181.372.302
	217.084.188	181.372.302

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng	52.545.844.591	58.686.640.839
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	11.042.211.447	10.907.705.592
	63.588.056.038	69.594.346.431

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	48.262.354.830	55.222.276.170
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.057.862.786	8.815.607.626
	55.320.217.616	64.037.883.796

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.274.986.669	750.830.846
Cổ tức, lợi nhuận được chia	188.000.000	189.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.390.960.584	1.390.997.657
	2.853.947.253	2.331.540.503

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.281.258.050	855.102.038
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	34.602.851	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.952.605.014	1.466.500.669
	4.268.465.915	2.321.602.707

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.163.154.688	3.660.007.606
Các khoản điều chỉnh tăng	108.240.970	143.863.956
- Chi phí không hợp lệ	108.240.970	143.863.956
Các khoản điều chỉnh giảm	(188.000.000)	(189.712.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(188.000.000)	(189.712.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.083.395.658	3.614.159.562
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	3.191.499.638	1.031.874.979
- Thu nhập chịu thuế suất (25%*50%)	1.445.630.033	1.706.199.798
- Thu nhập chịu thuế suất (10%*50%)	1.211.434.195	-
- Thu nhập được giảm thuế do đầu tư mở rộng	338.335.617	876.084.785
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.039.150.373	471.243.719
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	396.378.351	467.390.288
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	381.372.729
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.435.528.724	557.261.278

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.452.621.910	48.456.809.404
Chi phí nhân công	5.173.291.895	5.161.542.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.891.760.310	7.246.276.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.439.258.152	3.822.710.278
Chi phí khác bằng tiền	1.023.289.036	893.687.437
	58.980.221.303	65.581.026.307

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

27 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 để thông tin trên báo cáo tài chính phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty. Quyết định điều chỉnh hồi tố của Ban Giám đốc Công ty căn cứ vào việc thay đổi chính sách thuế áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

- Công ty thay đổi chính sách thuế áp dụng đối với chi phí hoạt động tài chính do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản công nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2009 với giá trị là 1.103.503.825 VND sẽ được xác định là chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009. Tuy nhiên, do có sự khác nhau giữa chi phí kế toán với chi phí tính thuế đối với chi phí hoạt động tài chính do đánh giá chênh lệch tỷ giá nêu trên nên dẫn đến điều chỉnh tăng thuế thu nhập hoãn lại phải trả và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31/12/2009 với giá trị là 393.639.797 VND.

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2009 (Trước điều chỉnh) VND	31/12/2009 (Điều chỉnh lại) VND	Chênh lệch VND
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	824.522.074	430.882.277	(393.639.797)
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	393.639.797	393.639.797

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trong kỳ, do sửa đổi chế độ kế toán và điều chỉnh hồi tố vì vậy một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ này:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	60.247.376.328	63.488.919.024
- Người mua trả tiền trước	313	435.350.111	3.737.221.053
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	430.882.277	824.522.074
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	453.968.043	-
Nợ dài hạn	330	3.716.007.139	20.496.400
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	393.639.797	-
- Doanh thu chưa thực hiện	338	3.301.870.942	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	453.968.043
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	453.968.043

Lập, ngày 06 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thi An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Điều

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây
Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	22.473.624.035	103.064.312.427	1.452.767.852	403.889.014	106.258.100	127.500.851.428
Số tăng trong kỳ	624.532.318	2.778.329.067	277.037.818	73.227.273	-	3.753.126.476
- Mua sắm mới		2.778.329.067	277.037.818	73.227.273	-	3.128.594.158
- Đầu tư XD CB hoàn thành	624.532.318	-	-	-	-	624.532.318
Số giảm trong kỳ	-	(3.569.427.693)	(222.419.047)	-	-	(3.791.846.740)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.569.427.693)	(222.419.047)	-	-	(3.791.846.740)
Số dư cuối kỳ	23.098.156.353	102.273.213.801	1.507.386.623	477.116.287	106.258.100	127.462.131.164
Giá trị đã hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.672.805.561	42.322.418.390	814.732.248	200.306.692	18.595.164	50.028.858.055
Số tăng trong kỳ	741.135.812	4.168.315.784	152.750.906	38.821.085	5.312.904	5.106.336.491
- Trích khấu hao	741.135.812	4.168.315.784	152.750.906	38.821.085	5.312.904	5.106.336.491
Số giảm trong kỳ	-	(3.100.454.057)	(222.419.047)	-	-	(3.322.873.104)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.100.454.057)	(222.419.047)	-	-	(3.322.873.104)
Số dư cuối kỳ	7.413.941.373	43.390.280.117	745.064.107	239.127.777	23.908.068	51.812.321.442
Giá trị còn lại						
Đầu kỳ	15.800.818.474	60.741.894.037	638.035.604	203.582.322	87.662.936	77.471.993.373
Cuối kỳ	15.684.214.980	58.882.933.684	762.322.516	237.988.510	82.350.032	75.649.809.722

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.986.879.660 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh,
Quận Tân Phú, Tp.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	53.562.130.000	145.825.164.443	1.492.141.699	(7.940.239.597)	(1.170.673.115)	489.130.439	2.469.090.316	5.915.702.127	200.642.446.312
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	4.517.644.112	4.517.644.112
Tăng khác	-	-	1.170.695.969	-	-	457.297.219	457.297.219	-	2.085.290.407
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	1.170.673.115	-	-	-	1.170.673.115
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	(6.122.666.226)	(6.122.666.226)
Số dư cuối kỳ này	53.562.130.000	145.825.164.443	2.662.837.668	(7.940.239.597)	-	946.427.658	2.926.387.535	4.310.680.013	202.293.387.720

(*) Giảm khác chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQĐHCĐ/2010 ngày 26 tháng 03 năm 2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính		457.297.219
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển		457.297.219
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		457.297.219
- Trích bổ sung vốn khác của chủ sở hữu từ chi phí thuế TNDN được ưu đãi		1.170.695.969
- Trích trả cổ tức đợt 2 năm 2009	7%	3.580.078.600
Cộng		6.122.666.226